



DANH SÁCH VÀO VÒNG 2 CUỘC THI VÔ ĐỊCH TOEFL JUNIOR 2015
(TOEFL JUNIOR CHALLENGE 2015)

Sắp xếp theo trường, khối lớp và tên

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO:

LONG AN

Ngày thi: 1/Nov/15

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1	Nguyễn Tấn	Đạt	6-Feb-04	50900764	6	6a1	An Thạnh	Bến Lức
2	Lê Ngọc	Giàu	5-Dec-04	50900759	6	6a1	An Thạnh	Bến Lức
3	Huỳnh Đông	Nghi	10-Feb-04	50900767	6	6a4	An Thạnh	Bến Lức
4	Nguyễn Thành	Phát	10-Dec-04	50900761	6	6a1	An Thạnh	Bến Lức
5	Huỳnh Hữu	Phúc	11-Jun-04	50900768	6	6a5	An Thạnh	Bến Lức
6	Nguyễn Duy	Phương	25-Jan-04	50900760	6	6a1	An Thạnh	Bến Lức
7	Võ Minh	Phước	28-Oct-04	50900762	6	6a1	An Thạnh	Bến Lức
8	Phạm Uyên	Thy	7-Oct-04	50900766	6	6a2	An Thạnh	Bến Lức
9	Trần Lê Bảo	Trân	17-Jul-04	50900765	6	6a2	An Thạnh	Bến Lức
10	Phạm Huỳnh Lan	Vy	25-Aug-04	50900758	6	6a1	An Thạnh	Bến Lức
11	Lâm Thanh	Bình	8-Jan-03	50900783	7	7a1	An Thạnh	Bến Lức
12	Phạm Huỳnh Hồng	Hân	25-Nov-03	50900785	7	7a1	An Thạnh	Bến Lức
13	Nguyễn Đại Phú	Hào	29-Nov-03	50900784	7	7a1	An Thạnh	Bến Lức
14	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	9-Oct-03	50900786	7	7a1	An Thạnh	Bến Lức
15	Võ Thị Tố	Như	7-Oct-03	50900787	7	7a1	An Thạnh	Bến Lức
16	Hoàng Ngọc	Ánh	10-Feb-02	50900772	8	8a1	An Thạnh	Bến Lức
17	Nguyễn Tâm	Bình	31-Aug-02	50900773	8	8a2	An Thạnh	Bến Lức
18	Huỳnh Thị Thanh	Hoa	29-May-02	50900771	8	8a1	An Thạnh	Bến Lức

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
19	Trần Duy	Kha	8-Jan-03	50900777	8	8a5	An Thạnh	Bến Lức
20	Bùi Hữu	Vinh	7-May-02	50900776	8	8a5	An Thạnh	Bến Lức
21	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	17-Apr-01	50900780	9	9a1	An Thạnh	Bến Lức
22	Nguyễn Thị Huế	Hân	31-Oct-01	50900782	9	9a3	An Thạnh	Bến Lức
23	Nguyễn Thị Như	Hảo	16-Oct-01	50900778	9	9a1	An Thạnh	Bến Lức
24	Huỳnh Thị Mai	Phương	6-Feb-01	50900781	9	9a1	An Thạnh	Bến Lức
25	Phạm Thị Huyền	Trình	17-Aug-01	50900779	9	9a1	An Thạnh	Bến Lức
26	Trần Lê Đông	Điền	3-Mar-02	50900327	8	8a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
27	Nguyễn Hoàng	Long	17-Jan-01	50900332	8	8a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
28	Hồ Thị Thúy	Ngọc	7-Jun-02	50900324	8	8a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
29	Trương Thị Như	Ngọc	8-Sep-02	50900333	8	8a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
30	Lê Ngọc Liên	Nhi	25-Nov-02	50900329	8	8a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
31	Nguyễn Thị Hà	Phương	11-Jan-02	50900334	8	8a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
32	Nguyễn Thị Minh	Thư	26-Aug-02	50900330	8	8a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
33	Trần Thị Thanh	Thúy	21-Feb-02	50900326	8	8a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
34	Đoàn Quang	Hân	6-Jun-01	50900318	9	9a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
35	Phan Thanh	Hậu	18-Jun-01	50900321	9	9a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
36	Lê Hồng	Mạnh	26-Nov-01	50900319	9	9a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
37	Nguyễn Trọng Hữu	Nghĩa	10-Jun-01	50900320	9	9a1	Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa
38	Lê Thị Thanh	Trúc	15-Oct-03	50900659	7	7/1	Đức Lập	Đức Hòa
39	Nguyễn Phương	Khánh	15-Aug-01	50900663	9	9/2	Đức Lập	Đức Hòa
40	Mai Nguyễn Nhật	Vy	13-Nov-01	50900664	9	9/1	Đức Lập	Đức Hòa
41	Hà Ngọc Trúc	Mi	12-Dec-01	50900799	9	9a1	Gò Đen	Bến Lức
42	Tô Nguyễn Huyền	Sương	27-Mar-02	50900692	8	8/1	Hưng Điền A	Vĩnh Hưng
43	Lê Trung	Kiên	15-Jan-01	50900693	9	9	Hưng Điền A	Vĩnh Hưng

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
44	Trần Khả	Hân	11-May-03	50900392	7	7/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
45	Nguyễn Ngọc Thúy	Hằng	25-Oct-03	50900386	7	7/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
46	Nguyễn Nhựt	Huy	18-Feb-04	50900397	7	6/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
47	Lê Kim	Ngân	12-Apr-03	50900389	7	7/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
48	Nguyễn Đặng Thảo	Nguyên	17-Nov-03	50900394	7	7/1	Lê Đại Đường	Tân Trụ
49	Phạm Ngọc Anh	Thư	9-May-03	50900383	7	7/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
50	Trương Phương	Thy	6-Aug-03	50900390	7	7/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
51	Đặng Thanh	Vân	31-Jan-03	50900381	7	7/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
52	Lương Triều	Vĩ	5-May-03	50900388	7	7/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
53	Phạm Khánh	Vy	10-Dec-03	50900382	7	7/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
54	Nguyễn Gia	Bảo	25-Aug-02	50900374	8	8/5	Lê Đại Đường	Tân Trụ
55	Hồ Mộng	Cầm	22-Jul-02	50900372	8	8/4	Lê Đại Đường	Tân Trụ
56	Đoàn Hoàn	Châu	11-Sep-02	50900375	8	8/6	Lê Đại Đường	Tân Trụ
57	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	10-Oct-02	50900378	8	8/5	Lê Đại Đường	Tân Trụ
58	Trần Thị Minh	Huyền	1-Jun-02	50900370	8	8/1	Lê Đại Đường	Tân Trụ
59	Hồ Nguyễn Nhật	Khang	14-Jan-04	50900398	8	6/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
60	Hồ Lê Đăng	Khoa	12-Dec-02	50900379	8	8/7	Lê Đại Đường	Tân Trụ
61	Đoàn Hiếu	Kiên	24-Mar-02	50900373	8	8/7	Lê Đại Đường	Tân Trụ
62	Trần Nguyễn Kiều	My	1-Jul-02	50900376	8	8/6	Lê Đại Đường	Tân Trụ
63	Nguyễn Trọng	Nhân	18-Jan-02	50900371	8	8/1	Lê Đại Đường	Tân Trụ
64	Lê Trung	Tín	8-Aug-02	50900377	8	8/6	Lê Đại Đường	Tân Trụ
65	Nguyễn Ngô Khánh	Dung	10-Jun-01	50900363	9	9/6	Lê Đại Đường	Tân Trụ
66	Đặng Ngọc	Hân	17-Aug-01	50900367	9	9/1	Lê Đại Đường	Tân Trụ
67	Trần Ngô Minh	Hiếu	20-May-04	50900399	9	6/8	Lê Đại Đường	Tân Trụ
68	Trịnh Phước	Lộc	24-Apr-01	50900366	9	9/4	Lê Đại Đường	Tân Trụ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
69	Lê Gia	Lộc	19-Jan-01	50900368	9	9/3	Lê Đại Đường	Tân Trụ
70	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	2-Dec-01	50900360	9	9/6	Lê Đại Đường	Tân Trụ
71	Võ Thị Kim	Ngân	14-Dec-01	50900361	9	9/6	Lê Đại Đường	Tân Trụ
72	Trần Phú	Quí	17-Mar-01	50900364	9	9/4	Lê Đại Đường	Tân Trụ
73	Nguyễn Đăng	Thi	21-Jan-01	50900362	9	9/6	Lê Đại Đường	Tân Trụ
74	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	7-Jul-01	50900359	9	9/6	Lê Đại Đường	Tân Trụ
75	Phù Quốc	Vương	7-Sep-01	50900369	9	9/3	Lê Đại Đường	Tân Trụ
76	Ngô Thị Tường	Vy	8-Apr-01	50900365	9	9/4	Lê Đại Đường	Tân Trụ
77	Võ Ngọc Thanh	Thảo	15-Jan-04	50900184	6	6.4	Long Thượng	Cần Giuộc
78	Nguyễn Hoài	Lâm	25-Oct-03	50900180	7	7.3	Long Thượng	Cần Giuộc
79	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	24-Nov-03	50900178	7	7.1	Long Thượng	Cần Giuộc
80	Trần Anh	Thư	8-Mar-03	50900182	7	7.6	Long Thượng	Cần Giuộc
81	Lê Khánh	Thy	9-Apr-03	50900183	7	7.6	Long Thượng	Cần Giuộc
82	Phạm Thị Yến	Duyên	28-Mar-02	50900175	8	8.5	Long Thượng	Cần Giuộc
83	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18-Oct-02	50900176	8	8.5	Long Thượng	Cần Giuộc
84	Đào Thị Cẩm	Uyên	15-Aug-02	50900174	8	8.4	Long Thượng	Cần Giuộc
85	Mai Hoàng	Huy	22-Jan-01	50900170	9	9.2	Long Thượng	Cần Giuộc
86	Dương Ngô Kim	Long	20-Nov-01	50900171	9	9.4	Long Thượng	Cần Giuộc
87	Hồng Trí	Lượng	24-Aug-01	50900169	9	9.2	Long Thượng	Cần Giuộc
88	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	14-Apr-01	50900173	9	9.5	Long Thượng	Cần Giuộc
89	Lai Hiệp	Tùng	1-Jul-00	50900172	9	9.5	Long Thượng	Cần Giuộc
90	Nguyễn Quốc Nhân	Hòa	30-Apr-04	50900817	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
91	Nguyễn Hải Đăng	Khoa	8-Oct-04	50900801	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
92	Nguyễn Minh	Khôi	16-Mar-04	50900815	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
93	Phan Thu	Ngân	22-Mar-04	50900800	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
94	Trần Thị Tuyết	Ngân	10-Feb-04	50900810	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
95	Nguyễn Ánh Đông	Nghi	16-Jul-04	50900823	6	6A4	Lý Tự Trọng	Tân An
96	Võ Hoàng	Quý	16-Feb-04	50900818	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
97	Trần Thị Thúy	Quỳnh	11-Jul-04	50900809	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
98	Phan Lê Chí	Thành	24-Sep-04	50900805	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
99	Phạm Phương	Thảo	28-Apr-04	50900806	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
100	Phạm Thanh	Thảo	28-Apr-04	50900807	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
101	Phạm Minh Nhã	Trang	24-Feb-04	50900821	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
102	Nguyễn Tâm Minh	Triết	8-Oct-04	50900819	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
103	Nguyễn Trường	Tuyền	2-Dec-04	50900814	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
104	Nguyễn Xuân	Vinh	23-Mar-04	50900804	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
105	Nguyễn Thế	Vinh	8-Oct-04	50900811	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
106	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	11-Sep-04	50900812	6	6A6	Lý Tự Trọng	Tân An
107	Phan Nguyễn Bảo	Châu	9-Feb-03	50900317	7	7. 6	Lý Tự Trọng	TP Tân An
108	Lê Quang	Đăng	3-Jun-03	50900307	7	7. 5	Lý Tự Trọng	TP Tân An
109	Cù Huy Thùy	Dương	26-Oct-03	50900308	7	7. 6	Lý Tự Trọng	TP Tân An
110	Mai Thanh	Hải	9-Aug-03	50900301	7	7. 6	Lý Tự Trọng	TP Tân An
111	Lê Quang	Huy	12-Sep-03	50900306	7	7. 6	Lý Tự Trọng	TP Tân An
112	Nguyễn Tri	Khoa	15-Nov-03	50900302	7	7. 6	Lý Tự Trọng	TP Tân An
113	Trần Thanh Hải	Kiệt	24-Feb-03	50900312	7	7. 6	Lý Tự Trọng	TP Tân An
114	Lê Nguyễn Phước	Nguyên	11-Apr-03	50900305	7	7. 6	Lý Tự Trọng	TP Tân An
115	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	1-Jan-03	50900300	7	7. 6	Lý Tự Trọng	TP Tân An
116	Nguyễn Ngọc Phúc	Tiên	21-Mar-03	50900304	7	7. 6	Lý Tự Trọng	TP Tân An
117	Ngô Gia	Linh	5-Jul-02	50900314	8	8. 5	Lý Tự Trọng	TP Tân An
118	Nguyễn Đức	Mạnh	20-Mar-02	50900315	8	8. 5	Lý Tự Trọng	TP Tân An

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
119	Ngô Quang	Phú	15-Apr-02	50900313	8	8.5	Lý Tự Trọng	TP Tân An
120	Huỳnh Hoàng	Phương	23-Jun-02	50900316	8	8.5	Lý Tự Trọng	TP Tân An
121	Nguyễn Minh	Quân	23-Feb-02	50900311	8	8.5	Lý Tự Trọng	TP Tân An
122	Phan Thị Xuân	Trang	30-Sep-02	50900309	8	8.5	Lý Tự Trọng	TP Tân An
123	Nguyễn Lâm Lan	Vy	7-Mar-02	50900310	8	8.5	Lý Tự Trọng	TP Tân An
124	Trịnh Đăng	Huy	24-Feb-02	50900074	6	6A4	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
125	Lê Thị Diễm	My	23-Sep-04	50900070	6	6A1	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
126	Trần Thị Kim	Ngân	9-Apr-04	50900072	6	6A1	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
127	Huỳnh Thị Thu	Thảo	14-Jun-04	50900073	6	6A2	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
128	Lê Thị Anh	Thư	8-Sep-04	50900066	6	6A1	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
129	Nguyễn Anh	Thư	28-Nov-04	50900067	6	6A1	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
130	Lê Hoàng	Trí	1-Feb-04	50900063	6	6A1	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
131	Trần Thị Việt	Trình	18-Jan-04	50900071	6	6A1	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
132	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	27-Aug-04	50900065	6	6A1	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
133	Đỗ Thị Như	Quỳnh	4-Nov-02	50900078	8	8A1	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
134	Trần Hoàng	Thy	18-Mar-02	50900079	8	8A4	Mỹ Lạc	Thủ Thừa
135	Phạm Minh	Nguyệt	17-Aug-04	50900335	6	6A3	Mỹ Quý	Đức Huệ
136	Võ Đào Hồng Diệp Thúy	An	8-Apr-03	50900342	7	7A4	Mỹ Quý	Đức Huệ
137	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc	25-Jun-03	50900345	7	7A4	Mỹ Quý	Đức Huệ
138	Lâm Thị Mỹ	Thuận	4-Mar-03	50900338	7	7A3	Mỹ Quý	Đức Huệ
139	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19-Feb-03	50900339	7	7A3	Mỹ Quý	Đức Huệ
140	Nguyễn Thị Nhựt	Lam	11-Sep-02	50900348	8	8A1	Mỹ Quý	Đức Huệ
141	Võ Nguyên	Phú	19-Sep-02	50900349	8	8A1	Mỹ Quý	Đức Huệ
142	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	19-May-02	50900346	8	8A1	Mỹ Quý	Đức Huệ
143	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	15-Apr-01	50900352	9	9A1	Mỹ Quý	Đức Huệ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
144	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	1-Jan-01	50900351	9	9A1	Mỹ Quý	Đức Huệ
145	Nguyễn Thùy Thảo	Vy	13-Mar-04	50900757	6	6a9	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
146	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12-May-03	50900755	7	7a2	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
147	Nguyễn Thị Thái	Thanh	16-Nov-03	50900754	7	7a11	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
148	Nguyễn Võ Tường	Vy	8-Mar-03	50900753	7	7a11	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
149	Nguyễn Hoàng Khương	Duy	31-Dec-02	50900749	8	8a1	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
150	Huỳnh Phúc	Nguyên	3-Mar-02	50900752	8	8a1	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
151	Đào Ngọc	Nhiên	9-Dec-02	50900750	8	8a1	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
152	Dương Ngọc Minh	Thư	24-Sep-02	50900751	8	8a1	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
153	Huỳnh Nguyễn Bảo	Trân	5-Apr-02	50900746	8	8a2	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
154	Trần Phạm Phương	Uyên	11-Jan-02	50900747	8	8a2	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
155	Lê Ngọc Quế	Anh	3-May-01	50900739	9	9a8	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
156	Lê Gia	Bảo	21-Oct-01	50900730	9	9a2	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
157	Bùi Minh	Châu	30-Mar-01	50900735	9	9a3	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
158	Hà Vĩnh Kim	Châu	20-Feb-01	50900743	9	9a8	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
159	Phạm Minh	Diệp	7-Jul-01	50900728	9	9a11	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
160	Nguyễn Ngọc Thùy	Dung	12-Jul-01	50900738	9	9a3	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
161	Đỗ Thùy	Dương	22-Feb-01	50900740	9	9a6	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
162	Phạm Thị Kỳ	Duyên	26-May-01	50900725	9	9a5	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
163	Nguyễn Thị Ánh	Huy	8-May-01	50900741	9	9a5	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
164	Nguyễn Thanh Trúc	Linh	31-Mar-01	50900732	9	9a4	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
165	Vũ Đức	Mạnh	19-May-01	50900745	9	9a1	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
166	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	11-Jun-01	50900737	9	9a3	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
167	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Như	22-Feb-01	50900729	9	9a2	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
168	Trần Nguyễn Tâm	Như	28-Apr-01	50900744	9	9a3	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
169	Nguyễn Gia	Quyên	10-Apr-01	50900734	9	9a1	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
170	Lê Như	Quỳnh	23-Mar-01	50900722	9	9a2	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
171	Nguyễn Lê Duy	Tâm	23-Jun-01	50900726	9	9a5	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
172	Lê Ngọc Anh	Thư	21-May-01	50900736	9	9a3	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
173	Nguyễn Lê Quỳnh	Tiên	18-Sep-01	50900723	9	9a4	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
174	Lê Bảo	Trâm	26-May-01	50900731	9	9a6	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
175	Nguyễn Thị Thúy	Uyên	16-May-01	50900724	9	9a5	Nguyễn Trung Trực	Bến Lức
176	Châu Nguyễn Ngọc	Hân	14-Apr-03	50900161	7	7A5	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
177	Huỳnh Thị Lam	Tường	1-Jan-03	50900162	7	7A5	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
178	Huỳnh Đỗ Nguyệt	Hằng	8-Jun-02	50900152	8	8A4	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
179	Lữ Trương Cẩm	Ngọc	6-Dec-02	50900151	8	8A3	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
180	Nguyễn Trọng	Phúc	6-Jan-02	50900150	8	8A3	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
181	Phạm Thị Như	Quỳnh	9-Dec-02	50900153	8	8A4	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
182	Bùi Thị Xuân	Trúc	6-Feb-02	50900156	8	8A2	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
183	Lê Huỳnh Hữu	Lộc	6-Mar-01	50900158	9	9A1	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
184	Phạm Thanh	Thanh	12-Jul-01	50900160	9	9A3	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
185	Lê Nguyễn Thanh	Thùy	27-Mar-01	50900157	9	9A4	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
186	Hồ Ngọc Mai	Trâm	6-Apr-01	50900159	9	9A3	Nguyễn Văn Thăng	Châu Thành
187	Liêu Thiên	Kim	5-Mar-01	50900083	9	9/2	Nhị Thành	Thủ Thừa
188	Nguyễn Trúc	Linh	9-Aug-01	50900082	9	9/3	Nhị Thành	Thủ Thừa
189	Trần Thị Trúc	Linh	27-Oct-01	50900086	9	9/2	Nhị Thành	Thủ Thừa
190	Mai Huỳnh	Như	14-Feb-01	50900081	9	9/3	Nhị Thành	Thủ Thừa
191	Phạm Tuấn	Thanh	7-Jan-01	50900084	9	9/2	Nhị Thành	Thủ Thừa
192	Mai Huỳnh Anh	Thi	22-Sep-01	50900087	9	9/2	Nhị Thành	Thủ Thừa
193	Võ Ngọc Thảo	Vy	1-Jan-01	50900085	9	9/3	Nhị Thành	Thủ Thừa

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
194	Nguyễn Trần Lê	Hoa	5-Oct-01	50900472	9	9/3	Nhật Tân	Tân Trụ
195	Huỳnh Lâm Phương	Anh	28-Mar-03	50900287	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
196	Trần Huỳnh Minh	Hiền	12-Dec-03	50900295	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
197	Trần Trung	Kiên	26-May-03	50900291	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
198	Lê Tất Sĩ	Minh	28-Nov-03	50900290	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
199	Lương Nguyễn Xuân	Ngọc	13-Feb-03	50900288	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
200	Nguyễn Hoàng Yến	Như	6-May-03	50900296	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
201	Lan Huyền Tôn Nữ Minh	Tâm	18-Nov-03	50900289	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
202	Lê Thị Minh	Trang	13-Apr-03	50900286	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
203	Lê Thị Nhã	Tú	20-Aug-03	50900297	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
204	Liang Bội	Tuyên	27-Jan-03	50900298	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
205	Nguyễn Như	Ý	3-Feb-03	50900293	7	7.1	Nhật Tảo	TP Tân An
206	Dương Hoài	An	11-Jun-01	50900272	9	9.1	Nhật Tảo	TP Tân An
207	Võ Nguyễn Hoài	An	9-Jul-01	50900284	9	9.9	Nhật Tảo	TP Tân An
208	Ngô Văn	Anh	4-Aug-01	50900268	9	9.7	Nhật Tảo	TP Tân An
209	Nguyễn Hoài Linh	Đan	6-Aug-01	50900269	9	9.9	Nhật Tảo	TP Tân An
210	Lê Nguyễn Minh	Đoan	11-Dec-01	50900262	9	9.2	Nhật Tảo	TP Tân An
211	Chung Minh	Huy	18-Sep-01	50900274	9	9.1	Nhật Tảo	TP Tân An
212	Lê Quang	Khánh	23-Jul-01	50900264	9	9.4	Nhật Tảo	TP Tân An
213	Nguyễn Huỳnh Khánh	Linh	19-Jan-01	50900261	9	9.9	Nhật Tảo	TP Tân An
214	Phan Quý	Lộc	7-Sep-01	50900279	9	9.11	Nhật Tảo	TP Tân An
215	Nguyễn Huỳnh Phương	Nga	5-Sep-01	50900278	9	9.11	Nhật Tảo	TP Tân An
216	Nguyễn Ngọc	Ngân	9-Jan-01	50900283	9	9.1	Nhật Tảo	TP Tân An
217	Nguyễn Minh	Nghi	25-Aug-01	50900273	9	9.6	Nhật Tảo	TP Tân An
218	Nguyễn Văn Bảo	Ngọc	13-Jan-01	50900275	9	9.1	Nhật Tảo	TP Tân An

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
219	Lý Hồng	Ngọc	7-Jun-01	50900276	9	9.1	Nhật Tảo	TP Tân An
220	Võ Trần Khôi	Nguyên	28-Feb-01	50900270	9	9.7	Nhật Tảo	TP Tân An
221	Nguyễn Võ Kỳ	Quan	4-Apr-01	50900271	9	9.1	Nhật Tảo	TP Tân An
222	Nguyễn Hòa	Thuận (A)	29-May-01	50900265	9	9.7	Nhật Tảo	TP Tân An
223	Dương Vũ Minh	Thùy	13-Dec-01	50900267	9	9.7	Nhật Tảo	TP Tân An
224	Tăng Thanh	Triệu	2-Jan-01	50900277	9	9.11	Nhật Tảo	TP Tân An
225	Trần Thảo	Tường	21-Mar-01	50900281	9	9.3	Nhật Tảo	TP Tân An
226	Lê Nhã	Uyên	8-Sep-01	50900280	9	9.3	Nhật Tảo	TP Tân An
227	Đỗ Huỳnh Khánh	Vy	26-Feb-01	50900260	9	9.1	Nhật Tảo	TP Tân An
228	Đặng Đoàn Minh	Vy	21-Nov-01	50900266	9	9.7	Nhật Tảo	TP Tân An
229	Nguyễn Đoàn Thùy	Dương	30-Aug-02	50900007	8	8a9	Tầm Vu	Châu Thành
230	Nguyễn Đoàn Duy	Anh	27-Jun-01	50900005	9	9a2	Tầm Vu	Châu Thành
231	Nguyễn HoàngThành	Nhân	24-May-01	50900002	9	9a1	Tầm Vu	Châu Thành
232	Phạm Huỳnh Tấn	Phát	12-Aug-01	50900001	9	9a1	Tầm Vu	Châu Thành
233	Nguyễn Hồng	Quang	25-Jul-01	50900003	9	9a2	Tầm Vu	Châu Thành
234	Phan Quang	Thuận	28-Jul-01	50900004	9	9a2	Tầm Vu	Châu Thành
235	Phan Nguyễn Huyền	Trân	18-Aug-01	50900006	9	9a2	Tầm Vu	Châu Thành
236	Lê Thành	Đạt	12-Feb-04	50900410	6	6/2	Tân Phước Tây	Tân Trụ
237	Trần Thị Châu	Giang	18-Oct-04	50900417	6	6/3	Tân Phước Tây	Tân Trụ
238	Nguyễn Thị Diễm	Hân	9-Feb-04	50900406	6	6/2	Tân Phước Tây	Tân Trụ
239	Lê Thanh	Hương	4-Oct-04	50900423	6	6/3	Tân Phước Tây	Tân Trụ
240	Nguyễn Nguyên Toàn	Khoa	19-Feb-04	50900404	6	6/1	Tân Phước Tây	Tân Trụ
241	Nguyễn Thanh	Nguyên	1-Jan-04	50900401	6	6/1	Tân Phước Tây	Tân Trụ
242	Trần Ngọc Duy	Tú	2-Dec-04	50900411	6	6/2	Tân Phước Tây	Tân Trụ
243	Trần Thị Phương	Tuyền	22-Sep-04	50900402	6	6/1	Tân Phước Tây	Tân Trụ

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
244	An Thị	Thanh	26-May-03	50900427	7	7/1	Tân Phước Tây	Tân Trụ
245	Phạm Thị Trúc	Mai	3-Jan-04	50900089	6	6/1	Tân Thành	Thủ Thừa
246	Tô Đại	Trí	19-Mar-04	50900694	6	6/1	Thái Bình Trung	Vĩnh Hưng
247	Lê Nguyễn Bảo	Khanh	26-Jun-04	50900668	6	6.1	Thái Trị	Vĩnh Hưng
248	Võ Đăng	Khoa	9-Nov-02	50900665	8	8.2	Thái Trị	Vĩnh Hưng
249	Trần Kỳ	Phụng	24-Apr-01	50900666	9	9.2	Thái Trị	Vĩnh Hưng
250	Trần Thị Mỹ	Trúc	12-Jun-01	50900168	9	9	Thạnh Phú	Thạnh Hóa
251	Lê Bảo	Anh	10-Nov-04	50900019	6	6A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
252	Dương Phương	Giao	28-Apr-04	50900010	6	6A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
253	Nguyễn Trần Gia	Hân	21-Jan-04	50900017	6	6A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
254	Trịnh Gia	Huy	8-Apr-04	50900020	6	6A2	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
255	Nguyễn Trần Nguyên	Khang	13-Jun-04	50900012	6	6A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
256	Nguyễn Trần Phương	Nghi	28-Mar-04	50900018	6	6A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
257	Trần Thanh	Nguyên	23-Nov-04	50900021	6	6A2	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
258	La Huỳnh	Như	31-Jan-04	50900022	6	6A2	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
259	Đinh Trần Nhã	Phụng	19-Jan-04	50900026	6	6A7	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
260	Lữ Mai	Phương	7-Apr-04	50900016	6	6A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
261	Phạm Trọng	Thuần	30-Jul-04	50900023	6	6A2	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
262	Lê Phú	Tiến	13-Feb-04	50900008	6	6A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
263	Hoắc Võ Thanh	Trúc	16-Sep-04	50900024	6	6A2	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
264	Lê Tường	Vi	7-Mar-04	50900009	6	6A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
265	Bùi Lê Thúy	Vy	2-Mar-04	50900011	6	6A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
266	Võ Phương Hồng	Yến	13-Nov-04	50900025	6	6A2	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
267	Bùi Đăng	Duy	22-Mar-03	50900028	7	7A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
268	Nguyễn Đỗ Huỳnh	Mai	4-Jan-03	50900032	7	7A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
269	Hồ Xuân	Nguyên	3-Mar-03	50900033	7	7A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
270	Hồng	Như	3-Mar-03	50900031	7	7A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
271	Huỳnh Gia	Phát	15-May-03	50900030	7	7A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
272	Huỳnh Kim	Chi	26-Jul-02	50900042	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
273	Lê Gia	Huy	17-May-02	50900043	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
274	Huỳnh Gia	Huy	29-Aug-02	50900049	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
275	Võ Thanh Duy	Khương	7-Feb-02	50900048	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
276	Tôn Thọ	Luân	12-Dec-02	50900052	8	8A2	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
277	Võ Phạm Minh	Mẫn	22-Jan-02	50900040	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
278	Phạm Minh	Phát	29-Mar-02	50900059	8	8A2	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
279	Huỳnh Minh	Tâm	14-Oct-02	50900046	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
280	Lê Thành	Thuật	6-Apr-02	50900041	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
281	Lê Hoàng Mai	Thy	12-Jan-02	50900050	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
282	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	1-Dec-02	50900045	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
283	Nguyễn Gia	Tú	16-Aug-02	50900037	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
284	Phạm Nguyễn Minh	Tuấn	22-Jan-02	50900047	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
285	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	11-May-02	50900036	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
286	Đặng Thảo	Vy	7-Dec-02	50900038	8	8A1	Thị Trấn Thủ Thừa	Thủ Thừa
287	Trần Hải	An	15-Apr-04	50900674	6	6A2	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
288	Phan Thái	Bảo	17-Aug-04	50900675	6	6A4	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
289	Nguyễn Thị Mỹ	Quỳnh	22-Jun-04	50900672	6	6B1	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
290	Nguyễn Chí Công	Tôn	19-Feb-04	50900673	6	6A4	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
291	Tất Mỹ	Vân	29-Jul-04	50900671	6	6A2	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
292	Đinh Lê Đăng	Khoa	27-Aug-02	50900676	8	8A1	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
293	Nguyễn Thị Minh	Anh	23-Aug-01	50900682	9	9A5	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
294	Nhữ Quang	Đức	2-Jul-01	50900679	9	9A3	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
295	Nguyễn Nhật	Duy	13-Jun-01	50900684	9	9A1	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
296	Lê Tấn	Hiệp	20-Jan-01	50900677	9	9A1	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
297	Bùi Dương Duy	Khang	15-Nov-01	50900683	9	9A6	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
298	Lê Thị Anh	Thư	29-May-01	50900678	9	9A2	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
299	Nguyễn Công	Trường	7-Jan-01	50900680	9	9A3	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
300	Lương Chí	Tường	7-Aug-01	50900681	9	9A4	thị trấn Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng
301	Hồ Ngọc Thiên	Hương	27-Jun-04	50900187	6	6.2	Thống Nhất	TP Tân An
302	Lê Ngọc Xuân	Phương	16-Oct-04	50900186	6	6.2	Thống Nhất	TP Tân An
303	Lê Nguyễn Phương	Thùy	4-Jan-04	50900190	6	6.5	Thống Nhất	TP Tân An
304	Nguyễn Võ Cát	Tường	14-May-04	50900188	6	6.3	Thống Nhất	TP Tân An
305	Huỳnh Mai Thảo	Vy	6-Dec-04	50900191	6	6.5	Thống Nhất	TP Tân An
306	Lưu Vỹ	Ân	30-Jun-03	50900222	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
307	Huỳnh	Anh	23-Dec-03	50900215	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
308	Dương Quốc	Anh	11-Nov-03	50900227	7	7.7	Thống Nhất	TP Tân An
309	Đỗ Gia	Bảo	19-Aug-03	50900226	7	7.7	Thống Nhất	TP Tân An
310	Nguyễn Mỹ Thái	Hòa	4-Dec-03	50900219	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
311	Trần Quốc	Kiệt	3-Jun-03	50900213	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
312	Dương Huỳnh Tuấn	Kiệt	26-Jan-03	50900225	7	7.7	Thống Nhất	TP Tân An
313	Lê Trần Bảo	Linh	30-May-03	50900202	7	7.4	Thống Nhất	TP Tân An
314	Trần Khánh	Linh	8-Feb-03	50900224	7	7.7	Thống Nhất	TP Tân An
315	Phạm Khánh	Linh	9-Aug-03	50900230	7	7.9	Thống Nhất	TP Tân An
316	Phạm Nguyễn Bảo	Ngân	2-Oct-03	50900195	7	7.1	Thống Nhất	TP Tân An
317	Lê Tuyết	Ngân	15-May-03	50900211	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
318	Nguyễn Gia	Nghi	30-Aug-03	50900201	7	7.4	Thống Nhất	TP Tân An

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
319	Lê Dương Tuyết	Ngọc	26-Jun-03	50900216	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
320	Lê Huỳnh Trúc	Phương	20-Mar-03	50900217	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
321	Lê Thị Thanh	Thảo	31-Mar-03	50900218	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
322	Hồ Thị Minh	Thư	17-Nov-03	50900208	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
323	Trần Ngọc Huệ	Thuy	3-May-03	50900193	7	7.1	Thống Nhất	TP Tân An
324	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	11-Jan-03	50900204	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
325	Trần Hoàng Thiên	Trang	2-Nov-03	50900209	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
326	Phan Thanh	Tuyền	6-Nov-03	50900210	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
327	Mai Thùy	Vân	13-Nov-03	50900221	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
328	Đoàn Như Phi	Vũ	10-Jul-03	50900207	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
329	Nguyễn Đỗ Khánh	Vy	20-Mar-03	50900206	7	7.5	Thống Nhất	TP Tân An
330	Văn Nguyễn Thanh	Bình	30-Jan-02	50900241	8	8.5	Thống Nhất	TP Tân An
331	Trần Ngọc Minh	Châu	19-Apr-02	50900238	8	8.3	Thống Nhất	TP Tân An
332	Trương Công Tấn	Đạt	1-Jul-02	50900256	8	8.9	Thống Nhất	TP Tân An
333	Nguyễn Khải	Hoàn	20-Dec-02	50900246	8	8.6	Thống Nhất	TP Tân An
334	Nguyễn Thị Mai	Lan	24-Jul-02	50900250	8	8.7	Thống Nhất	TP Tân An
335	Đỗ Mẫn	Nghi	2-Jul-02	50900233	8	8.3	Thống Nhất	TP Tân An
336	Nguyễn Đoàn Xuân	Tân	13-Jan-02	50900251	8	8.9	Thống Nhất	TP Tân An
337	Nguyễn Thành	Thông	1-May-02	50900259	8	8.9	Thống Nhất	TP Tân An
338	Lê Minh	Thư	6-May-02	50900247	8	8.7	Thống Nhất	TP Tân An
339	Nguyễn Lê Minh	Trâm	14-Jan-02	50900244	8	8.5	Thống Nhất	TP Tân An
340	Trần Minh	Trung	2-Dec-02	50900258	8	8.9	Thống Nhất	TP Tân An
341	Nguyễn Thị Tường	Vy	7-Jul-02	50900245	8	8.5	Thống Nhất	TP Tân An
342	Huỳnh Đoàn Trà	My	25-Mar-03	50900165	7	7	Thuận Bình	Thạnh Hóa
343	Lê Hoàng	Yến	2-Jan-03	50900166	7	7	Thuận Bình	Thạnh Hóa

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
344	Châu Ngọc	Khánh	26-Aug-04	50900355	6	6A6	Thuận Mỹ	Châu Thành
345	Lê Đức	Tuyên	11-Apr-04	50900354	6	6A7	Thuận Mỹ	Châu Thành
346	Trần Ngọc Xuân	Thơ	2-Sep-04	50900164	6	6.2	Thủy Tây	Thạnh Hóa
347	Lê Phát	Huy	19-Jun-04	50900697	6	6a3	Trần Phú	Tân An
348	Phương Minh	Khang	4-Jan-04	50900698	6	6a3	Trần Phú	Tân An
349	Tạ Kim	Thoa	27-Jul-04	50900696	6	6a3	Trần Phú	Tân An
350	Võ Hồng	Ân	2-Nov-02	50900699	8	8a4	Trần Phú	Tân An
351	Lê Tuấn	Cường	11-Feb-02	50900700	8	8a4	Trần Phú	Tân An
352	Lê Trần	Đại	27-Jan-02	50900702	8	8a4	Trần Phú	Tân An
353	Phạm Viết Hữu	Đạt	27-Feb-02	50900703	8	8a4	Trần Phú	Tân An
354	Trần Khả	Di	15-Jan-02	50900720	8	8a4	Trần Phú	Tân An
355	Nguyễn Phi	Dung	4-Apr-02	50900701	8	8a4	Trần Phú	Tân An
356	Nguyễn Trọng	Hiếu	1-Sep-02	50900704	8	8a4	Trần Phú	Tân An
357	Trần Thanh	Khiết	30-Oct-02	50900705	8	8a4	Trần Phú	Tân An
358	Nguyễn Thảo	My	12-Sep-02	50900706	8	8a4	Trần Phú	Tân An
359	Phan Thanh	Mỹ	8-Sep-02	50900707	8	8a4	Trần Phú	Tân An
360	Trương Mỹ	Ngọc	30-Oct-02	50900708	8	8a4	Trần Phú	Tân An
361	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	12-Mar-02	50900709	8	8a4	Trần Phú	Tân An
362	Trần Minh	Phát	13-Sep-02	50900710	8	8a4	Trần Phú	Tân An
363	Hồ Đình Lan	Phương	29-Jul-02	50900711	8	8a4	Trần Phú	Tân An
364	Đỗ Đình Phú	Quý	10-Feb-02	50900712	8	8a4	Trần Phú	Tân An
365	Phạm Tấn	Tài	2-Apr-02	50900713	8	8a4	Trần Phú	Tân An
366	Trần Nguyễn Minh	Tâm	24-Apr-02	50900714	8	8a4	Trần Phú	Tân An
367	Trần Thanh	Thảo	11-Aug-02	50900715	8	8a4	Trần Phú	Tân An
368	Nguyễn Thị Bích	Trang	29-Mar-02	50900716	8	8a4	Trần Phú	Tân An

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
369	Trần Thanh Thùy	Trang	13-Nov-02	50900717	8	8a4	Trần Phú	Tân An
370	Nguyễn Võ Minh	Triết	4-Oct-02	50900721	8	8a4	Trần Phú	Tân An
371	Phan Thị Diễm	Trinh	21-Feb-02	50900718	8	8a4	Trần Phú	Tân An
372	Bùi Phương	Vy	5-Mar-02	50900719	8	8a4	Trần Phú	Tân An
373	Huỳnh Nhật	Quang	10-Oct-01	50900695	9	9A4	TT Cần Đước	Cần Đước
374	Huỳnh Hoàng Tiến	Đạt	12-Feb-04	50900470	6	6.2	TT Tân Trụ	Tân Trụ
375	Phạm Nhựt	Huy	22-Jul-01	50900471	9	9/3	TT Tân Trụ	Tân Trụ
376	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	29-Mar-03	50900685	7	7	Tuyên Bình	Vĩnh Hưng
377	Nguyễn Văn	Cao	24-Jul-02	50900690	8	8/1	Tuyên Bình Tây	Vĩnh Hưng
378	Trần Lê	Chương	25-Oct-03	50900688	7	7A2	Vĩnh Bình	Kiên Giang
379	Nguyễn Thị Huyền	Trân	8-Oct-02	50900687	8	8/1	Vĩnh Thuận	Kiên Giang
380	Trần Thị Diễm	My	6-Feb-01	50900686	9	9A1	Vĩnh Trị	Vĩnh Hưng
381	Lại Thanh Hoàng	Long	12-Nov-04	50900790	6	6a1	Võ Công Tồn	Bến Lức
382	Nguyễn Thị Huyền	Trân	24-Mar-04	50900789	6	6a1	Võ Công Tồn	Bến Lức
383	Thái Kim	Anh	13-May-03	50900792	7	7a1	Võ Công Tồn	Bến Lức
384	Phan Ngọc Lan	Anh	11-Feb-03	50900793	7	7a1	Võ Công Tồn	Bến Lức
385	Lê Hồ Hồng	Ngọc	30-Sep-00	50900794	7	7a1	Võ Công Tồn	Bến Lức
386	Chung Mỹ	Anh	7-Apr-04	50900103	6	6a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
387	Vũ Hoàng	Đăng	17-Jan-04	50900122	6	6a3	Võ Duy Dương	Kiến Tường
388	Quách Tuyên	Hựu	26-Jul-03	50900107	6	6a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
389	Nguyễn Thị Ngọc	Huỳnh	30-Mar-04	50900117	6	6a2	Võ Duy Dương	Kiến Tường
390	Nguyễn Duy	Khang	27-Jul-04	50900106	6	6a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
391	Cổ Đặng Gia	Minh	27-Nov-04	50900124	6	6a8	Võ Duy Dương	Kiến Tường
392	Ngô Chúc	My	7-Jul-04	50900119	6	6a2	Võ Duy Dương	Kiến Tường
393	Nguyễn Hải	Nam	1-May-04	50900116	6	6a2	Võ Duy Dương	Kiến Tường

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
394	Nguyễn Ngọc	Như	24-Apr-04	50900115	6	6a2	Võ Duy Dương	Kiến Tường
395	Lê Minh	Phú	31-Mar-04	50900120	6	6a3	Võ Duy Dương	Kiến Tường
396	Đặng Lâm Cẩm	Tiên	17-Apr-04	50900118	6	6a2	Võ Duy Dương	Kiến Tường
397	Nguyễn Thành	Tỷ	4-Nov-04	50900104	6	6a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
398	Nguyễn Trần Khánh	Vân	27-Feb-04	50900105	6	6a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
399	Tô Anh	Vũ	26-Jul-04	50900123	6	6a8	Võ Duy Dương	Kiến Tường
400	Nguyễn Hải	Đăng	23-Mar-03	50900146	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
401	Võ Khả	Di	1-Jan-03	50900114	7	7a2	Võ Duy Dương	Kiến Tường
402	Lê Mẫn	Diệp	17-Jul-03	50900110	7	7a3	Võ Duy Dương	Kiến Tường
403	Lê Ngọc	Liên	15-Oct-03	50900111	7	7a3	Võ Duy Dương	Kiến Tường
404	Trương Khánh	Linh	14-Jun-03	50900143	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
405	Lý Văn Cẩm	Lượng	13-Feb-03	50900129	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
406	Trần trà	My	10-Feb-03	50900142	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
407	Hồ Kim	Mỹ	16-Mar-03	50900112	7	7a3	Võ Duy Dương	Kiến Tường
408	Hà Nguyễn Thủy	Nguyên	19-Nov-03	50900131	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
409	Liêu Thị Minh	Nhàn	25-May-03	50900141	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
410	Lê Thị Quỳnh	Như	14-May-03	50900132	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
411	Trần Ngọc An	Thịnh	4-Aug-03	50900126	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
412	Trần Thị Kiều	Thy	26-Jun-03	50900109	7	7a3	Võ Duy Dương	Kiến Tường
413	Võ Thị Thu	Tiền	4-Jan-03	50900135	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
414	Nguyễn Bảo	Trung	11-Aug-03	50900128	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
415	Nguyễn Hà	Uyên	17-May-03	50900127	7	7a1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
416	Trần Thị Khánh	An	22-Jun-02	50900097	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
417	Lý Tấn	Lộc	15-Jan-02	50900101	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
418	Huỳnh Thị Ngọc	My	16-Jan-02	50900094	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
419	Nguyễn Hoàng Yến	Ngọc	7-Mar-02	50900095	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
420	Đặng Yến	Nhi	28-Aug-02	50900100	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
421	Nguyễn Trương Kim	Phúc	30-Sep-02	50900090	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
422	Võ Minh	Thái	4-Dec-02	50900099	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
423	Đặng Quỳnh Thiên	Thanh	6-Jul-02	50900096	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
424	Nguyễn Anh	Thư	2-Nov-02	50900093	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
425	Nguyễn Minh	Tiến	8-Jan-02	50900098	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
426	Lê Ngọc	Trang	13-Jan-02	50900091	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
427	Nguyễn Minh	Trang	5-Jan-02	50900092	8	8A1	Võ Duy Dương	Kiến Tường
428	Lê Nguyễn Hoàng	Quyên	11-Jul-01	50900102	9	9a10	Võ Duy Dương	Kiến Tường
429	Bùi Hải	Đặng	21-Jun-02	50900149	8	8A1	Võ Văn Kiệt	TX Kiến Tường
430	Trần Khánh	Linh	20-Mar-02	50900148	8	8A2	Võ Văn Kiệt	TX Kiến Tường
431	Huỳnh Lê Trâm	Anh	5-Jun-04	50900633	6	6A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
432	Nguyễn Hh Phương	Dung	9-Feb-04	50900646	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
433	Phạm Nguyễn Hà	Giang	30-Jan-04	50900638	6	6A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
434	Hồ Khả	Hân	13-Nov-04	50900637	6	6A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
435	Hà Nhật	Hào	5-Oct-04	50900655	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
436	Nguyễn Lê	Huỳnh	18-Jan-04	50900650	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
437	Phạm Đăng	Khoôi	14-May-04	50900642	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
438	Nguyễn Tuấn	Kiệt	18-Jun-04	50900643	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
439	Nguyễn Hoàng	Lam	11-Mar-04	50900654	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
440	Lưu Tuyết	Minh	12-Apr-04	50900631	6	6A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
441	Trần Thị Thanh	Ngân	8-Jul-04	50900653	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
442	Trần Đức	Nghĩa	13-Jul-04	50900648	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
443	Nguyễn Bảo	Ngọc	3-Feb-04	50900639	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
444	Nguyễn Lâm bảo	Ngọc	4-May-04	50900641	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
445	Trần Uyên	Nhi	8-May-04	50900657	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
446	Lê Mai Yến	Phương	14-Feb-04	50900630	6	6A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
447	Từ Minh	Quaân	18-Sep-04	50900644	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
448	Tô Tấn	Tài	15-Nov-04	50900635	6	6A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
449	Phan Tuấn	Thật	18-May-04	50900645	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
450	Trần Thị Minh	Thư	11-Apr-04	50900647	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
451	Nguyễn Đặng Phương	Vy	23-Feb-04	50900636	6	6A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
452	Nguyễn Minh Ngọc	Xuyến	8-Sep-04	50900640	6	6a9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
453	Trần Minh	An	19-Oct-03	50900603	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
454	Đặng Thị Minh	Anh	28-Jun-03	50900505	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
455	Đặng Thị Mỹ	Anh	28-Jun-03	50900511	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
456	Nguyễn Trương Hoàng	Anh	16-Sep-03	50900552	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
457	Trần Loan	Anh	31-Oct-03	50900596	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
458	Lại Chí	Bảo	13-Dec-03	50900479	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
459	Nguyễn Minh	Chánh	5-Jun-03	50900483	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
460	Đặng Thành	Danh	31-Mar-03	50900564	7	7A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
461	Lê Thành	Đạt	21-Mar-03	50900554	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
462	Huỳnh Gia	Đạt	25-May-03	50900563	7	7A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
463	Phan Quốc	Điền	4-Nov-03	50900590	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
464	Nguyễn Minh	Đức	5-Aug-03	50900515	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
465	Huỳnh Ngọc	Dung	30-Jun-03	50900509	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
466	Lê Hoàng Hải	Duy	26-Apr-03	50900476	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
467	Lê Thị Ngọc	Hải	2-Mar-03	50900535	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
468	Phạm Văn	Hào	23-Jan-03	50900578	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
469	La Thành Nghĩa	Hiệp	10-May-03	50900558	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
470	Trần Lê	Hoàng	7-Dec-03	50900576	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
471	Nguyễn Thanh	Hùng	18-Mar-03	50900481	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
472	Đào Thị Mỹ	Hường	24-Feb-03	50900542	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
473	Lê Gia	Huy	2-Apr-03	50900565	7	7A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
474	Nguyễn Võ Anh	Khoa	9-Mar-03	50900488	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
475	Trần Huỳnh Minh	Khoa	23-Apr-03	50900559	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
476	Trần Hoàng	Khôi	7-Nov-03	50900589	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
477	Nguyễn Trung	Kiên	1-Aug-03	50900553	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
478	Lê Tuấn	Kiệt	25-Jun-03	50900482	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
479	Lê Trần Anh	Kiệt	10-Sep-03	50900525	7	7A2	Võ Văn Tần	Đức Hòa
480	Lê Bảo Thiên	Kim	30-Oct-03	50900545	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
481	Phan Gia	Linh	10-Sep-03	50900495	7	7A3	Võ Văn Tần	Đức Hòa
482	Bùi Thị Thùy	Linh	23-Jul-03	50900501	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
483	Trần Gia	Linh	9-Feb-03	50900532	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
484	Huỳnh Khánh	Luân	24-Sep-03	50900506	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
485	Nguyễn Kiều Khánh	My	8-Mar-03	50900503	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
486	Nguyễn Quách Châu	Mỹ	3-Mar-03	50900521	7	7A2	Võ Văn Tần	Đức Hòa
487	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	2-Jan-03	50900556	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
488	Lại Hà Gia	Nghi	19-Oct-03	50900473	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
489	Trương Mẫn	Nghi	13-Dec-03	50900541	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
490	Nguyễn Thị Quý	Ngọc	29-Apr-03	50900547	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
491	Huỳnh Minh	Ngọc	6-Sep-03	50900560	7	7A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
492	Trần Thị Uyên	Nhi	16-Jun-03	50900500	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
493	Mai Thị Tú	Nhi	16-Feb-03	50900540	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
494	Huỳnh Thị Yến	Nhi	21-Jan-03	50900561	7	7A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
495	Nguyễn Thị Ngọc	Nhiên	20-Oct-03	50900583	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
496	Võ Phương	Như	18-Sep-03	50900485	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
497	Nguyễn Thị Cẩm	Như	15-Apr-03	50900499	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
498	Nguyễn Quỳnh	Như	22-Jul-03	50900539	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
499	Nguyễn Vũ	Nhật	23-Nov-03	50900574	7	7A6	Võ Văn Tần	Đức Hòa
500	Nguyễn Thị Hoàng	Phi	6-Jun-03	50900538	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
501	Nguyễn Thanh	Phú	26-Aug-03	50900529	7	7A2	Võ Văn Tần	Đức Hòa
502	Nguyễn Văn	Phú	26-Feb-03	50900586	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
503	Nguyễn Thị Ngọc	Phúc	1-Dec-03	50900585	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
504	Trương Thị Trúc	Phương	24-Aug-03	50900534	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
505	Trần Thanh	Phương	24-Apr-03	50900604	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
506	Nguyễn Nhật	Quang	28-Mar-03	50900566	7	7A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
507	Lê Hoàng Tú	Quyên	9-Feb-03	50900537	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
508	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	13-Oct-03	50900522	7	7A2	Võ Văn Tần	Đức Hòa
509	Thái Ngọc	Rạng	5-Mar-03	50900557	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
510	Nguyễn Thành	Tài	24-Mar-03	50900550	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
511	Nguyễn Trương Minh	Tâm	13-Sep-03	50900478	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
512	Lưu Mỹ	Tâm	12-Jun-03	50900486	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
513	Nguyễn Thị Thu	Tâm	25-May-03	50900527	7	7A2	Võ Văn Tần	Đức Hòa
514	Lê Thị Mai	Thảo	8-Apr-03	50900502	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
515	Trần Chí	Thiện	22-Nov-03	50900487	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
516	Khưu Vĩnh	Thịnh	17-Feb-03	50900549	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
517	Phạm Thị Anh	Thư	27-Dec-03	50900546	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
518	Võ Duy	Thuận	31-May-03	50900548	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
519	Lê Hoàng	Thức	16-Oct-03	50900570	7	7A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
520	Huỳnh Thị Nguyên	Thy	16-Oct-03	50900573	7	7A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
521	Vũ Hoài	Tiến	4-Apr-03	50900526	7	7A2	Võ Văn Tần	Đức Hòa
522	Nguyễn Thị Kim	Tiền	17-Oct-03	50900490	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
523	Nguyễn Nghĩa	Tiết	8-Jul-03	50900543	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
524	Trương Thanh	Trà	20-May-03	50900533	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
525	Nguyễn Thùy	Trâm	22-Nov-03	50900498	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
526	Nguyễn Trường Thảo	Trân	18-Jun-03	50900536	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
527	Trịnh Thị Thanh	Trúc	15-Jul-03	50900475	7	7A1	Võ Văn Tần	Đức Hòa
528	Võ Thị Thanh	Trúc	5-Mar-03	50900508	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
529	Lý Huỳnh Ngọc	Trung	7-Oct-03	50900562	7	7A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
530	Phạm Thành	Trung	28-Apr-03	50900567	7	7A10	Võ Văn Tần	Đức Hòa
531	Phạm Thị Ngọc	Tuyền	9-Jan-03	50900599	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
532	Nguyễn Mai Kỳ	Uyên	16-Feb-03	50900507	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
533	Trần Thảo	Uyên	6-Jun-03	50900544	7	7A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
534	Nguyễn Thị Thu	Vân	17-May-03	50900491	7	7A3	Võ Văn Tần	Đức Hòa
535	Huỳnh Ngọc Tường	Vy	13-Dec-03	50900504	7	7A11	Võ Văn Tần	Đức Hòa
536	Huỳnh Như	Ý	11-Sep-03	50900580	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
537	Nguyễn Hoàng	Yến	7-May-03	50900492	7	7A3	Võ Văn Tần	Đức Hòa
538	Đỗ Lâm Phương	Yến	4-Nov-03	50900579	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
539	Phạm Hoàng	Yến	22-Jan-03	50900597	7	7A12	Võ Văn Tần	Đức Hòa
540	Trần Vỹ	An	11-Oct-01	50900614	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
541	Diệp Kim	Chánh	25-Jun-01	50900623	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
542	Nguyễn Minh	Chiến	30-Jun-01	50900621	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
543	Lê Nguyễn Mai	Đình	24-Sep-01	50900613	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
544	Lâm Quốc	Duy	4-Apr-01	50900619	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
545	Phạm Thảo	Duyên	29-Aug-01	50900620	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
546	Phan Ngọc	Hân	15-Mar-01	50900612	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
547	Võ Huỳnh	Hương	20-Jun-01	50900622	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
548	Lê Thị yến	Linh	25-Feb-01	50900609	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
549	Nguyễn Trí	Nguyên	6-Dec-01	50900606	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
550	Trần Ngọc	Như	11-Dec-01	50900607	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
551	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	17-Mar-01	50900627	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
552	Phạm Công	Tân	9-Mar-01	50900618	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
553	Huỳnh Anh	Thư	1-Mar-01	50900611	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
554	Trịnh Trung	Tính	8-Oct-01	50900617	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
555	Nguyễn Hà Quế	Trân	17-Jun-01	50900615	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
556	Dương Minh	Trí	1-Feb-01	50900610	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa
557	Nguyễn Tú	Uyên	27-Feb-01	50900625	9	9A9	Võ Văn Tần	Đức Hòa